



TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: **04** (85) 2024

ISSN 1859-2635

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ**

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Lưu Thị Diệu Hiền

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 04 năm 2024

Năm thứ mười bảy

Mục lục

- Bàn về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại khi nguyên đơn khởi kiện chưa có thoả thuận trọng tài 3
Trần Minh Đức, Nguyễn Vĩnh Phú
- Phân quyền trong quản lý nhà nước ở một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam 11
Nguyễn Trung Hậu, Đặng Thu Thủy
- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam thích ứng với cơ chế điều chỉnh Biên giới Carbon.... 19
Bùi Quang Tuấn, Trần Thị Hoa Thơm
- Chính sách về bình đẳng, bao trùm cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh.....29
Trần Thị Hoàng Ngân, Đỗ Thu Trang, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Bùi Kiều Anh
- Ảnh hưởng tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN..... 41
Đoàn Ngọc Phúc
- Nghiên cứu tác động của tài chính công đoàn đến đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động tại doanh nghiệp ở Việt Nam 51
Bùi Minh Chuyên
- Khó khăn và thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa..... 61
Phan Thị Hoàn
- Quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số tại tỉnh Thừa Thiên Huế -Thực trạng và một số vấn đề đặt ra hiện nay..... 71
Trương Thùy Hương
- Tác động của cảm xúc hoài niệm đến ý định quay lại điểm đến du lịch: Trường hợp thành phố Huế 80
Nguyễn Thị Thanh Thảo, Dương Thị Dung Hạnh, Nguyễn Hữu Tuệ Tĩnh
- Ảnh hưởng của nhân tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế khu vực dịch vụ thành phố Đà Nẵng 93
Phạm Quang Tín
- Tăng trưởng kinh tế và đóng góp các ngành, các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên..... 104
Lê Công Hường
- Công bằng tổ chức, tính hững hờ tập thể và lòng trung thành nhân viên - nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh..... 114
Vũ Bá Thành, Ngô Văn Toàn
- Biến đổi văn hóa tại các làng nghề truyền thống của Hội An dưới tác động của du lịch..... 127
Võ Hữu Hòa
- Quan điểm về “bát mục” trong triết học của Khổng Tử..... 137
Võ Văn Dũng
- Ảnh hưởng nho giáo trong nội dung sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu 144
Phan Thúy Hằng

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 04 năm 2024.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiếu tháng 12/2024.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 04, 2024

The 17th Year

Contents

1. Discussing the resolution of disputes arising from commercial activities when the plaintiff files a lawsuit without an arbitration agreement**3**
Tran Minh Duc, Nguyen Vinh Phu
 2. Decentralization in state management in some countries and lessons for Vietnam..... **11**
Nguyen Trung Hau, Dang Thu Thuy
 3. Policies to support Vietnamese businesses in adapting to the Carbon Border adjustment mechanism.....**19**
Bui Quang Tuan, Tran Thi Hoa Thom
 4. Equality and inclusion policies for disadvantaged people in green transformation**29**
Tran Thi Hoang Ngan, Do Thu Trang, Nguyen Thi My Hanh, Bui Kieu Anh
 5. The interaction effect between technological innovation and institutional quality on economic growth in ASEAN countries.....**41**
Doan Ngoc Phuc
 6. The impact of trade union finance on ensuring social security for employees in Vietnamese enterprises**51**
Bui Minh Chuyen
 7. Difficulties and advantages in accessing formal credit capital for women-owned small and medium enterprises**61**
Phan Thi Hoan
 8. Tax Management for E-Commerce and Digital Platform Based Business Activities in Thua Thien Hue Province - Current Situation and Emerging Issues.....**71**
Truong Thuy Huong
 9. The impact of nostalgic emotions on revisit intention to tourist destination: The case of Hue city.....**80**
Nguyen Thi Thanh Thao, Duong Thi Dung Hanh, Nguyen Huu Tue Tinh
 10. Influence of production factors on economic growth in the service sector of Da Nang city ..**93**
Pham Quang Tin
 11. Economic growth and the contribution of sectors and economic components to the economic development of Phu Yen province.**104**
Le Cong Huong
 12. Organizational justice, social loafing, and employee loyalty: A study in Ho Chi Minh city... **114**
Vu Ba Thanh, Ngo Van Toan
 13. Cultural changes in traditional craft villages of Hoi An under the impact of tourism.....**127**
Vo Huu Hoa
 14. The concept of "eight steps" in Confucius' philosophy..... **137**
Vo Van Dung
 15. The influence of Confucianism in Nguyen Dinh Chieu's creative works.....**144**
Phan Thuy Hang
-

Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam thích ứng với cơ chế điều chỉnh Biên giới Carbon

Bùi Quang Tuấn

Viện Kinh tế Việt Nam - VASS

Trần Thị Hoa Thơm

VNU University of Economics and Business

Email liên hệ: thomtth@vnu.edu.vn

Tóm tắt: Cơ chế Điều chỉnh Biên giới Carbon (CBAM) của Liên minh châu Âu (EU) đang đặt ra những thách thức lớn về phát thải carbon đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam, đặc biệt là các ngành công nghiệp nặng như thép và xi măng. Bài viết này phân tích các thách thức mà CBAM mang lại, đánh giá hiệu quả của các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ Việt Nam, và đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm giúp doanh nghiệp nâng cao khả năng thích ứng với cơ chế này. Việc áp dụng các chính sách hỗ trợ toàn diện không chỉ giúp doanh nghiệp đáp ứng quy định CBAM mà còn tạo động lực cho quá trình chuyển đổi xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trên trường quốc tế.

Từ khóa: CBAM, Chính sách hỗ trợ, Chuyển đổi xanh, Năng lực cạnh tranh, Thích ứng.

Policies to support Vietnamese businesses in adapting to the Carbon Border adjustment mechanism

Abstract: The European Union's Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM) poses significant challenges regarding carbon emissions for Vietnamese export businesses, especially in heavy industries such as steel and cement. This article analyzes the challenges posed by CBAM, evaluates the effectiveness of support policies from the Vietnamese government, and offers policy implications to enhance businesses' adaptability to this mechanism. Implementing comprehensive support policies will not only enable businesses to comply with CBAM regulations but also serve as a catalyst for the green transition, thereby boosting Vietnam's global competitiveness.

Keywords: CBAM, Support policies, Green transition, Competitiveness, Adaptation.

Ngày nhận bài: 10/9/2024; **Ngày phản biện:** 15/9/2024; **Ngày duyệt đăng:** 25/11/2024

1. Đặt vấn đề

CBAM là một phần cốt lõi trong Thỏa thuận Xanh châu Âu (European Green Deal), nhằm mục tiêu đưa EU đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050. CBAM yêu cầu các nhà nhập khẩu vào EU thanh toán phí carbon dựa trên lượng CO₂ phát thải trong quá trình sản xuất hàng hóa, tập trung vào các ngành có mức phát thải cao như thép, xi măng, phân bón, nhôm và điện năng. Chính sách này không chỉ nhằm giảm lượng phát thải toàn cầu mà còn ngăn chặn hiện tượng "rò rỉ carbon" (carbon leakage), tức là việc các doanh nghiệp di chuyển sản xuất ra ngoài EU để tránh các quy định phát thải khắt khe (European Commission, 2023). CBAM cũng khuyến khích các quốc gia áp dụng các tiêu chuẩn phát thải cao hơn để góp phần hạn chế biến đổi khí hậu toàn cầu (World Bank, 2023).

Không chỉ riêng EU, nhiều quốc gia khác cũng đang cân nhắc triển khai các biện pháp tương tự. Chẳng hạn như Mỹ, dự kiến áp dụng "Đạo luật Cạnh tranh sạch" (Clean Competition Act) từ năm 2024, với mức giá carbon khởi điểm là 55 USD/tấn CO₂, tăng 5% mỗi năm so với tỷ lệ lạm phát, áp dụng ngay cho 12 ngành sản xuất (World resources institute, 2023). Trong khi đó, Anh và Canada đang phát triển các cơ chế đánh thuế carbon riêng. Chính phủ Anh

đã công bố kế hoạch áp dụng CBAM từ năm 2017, yêu cầu hàng hóa nhập khẩu vào Anh chịu phí carbon nếu sản xuất từ các quốc gia không có chính sách định giá carbon phù hợp (UNFCCC, 2022). Chính phủ Canada đang tham vấn công chúng và các đối tác quốc tế để xây dựng cơ chế điều chỉnh carbon nhằm ngăn chặn hiện tượng “rò rỉ carbon” (Government of Canada, 2021).

EU là thị trường lớn thứ ba của Việt Nam, sau Hoa Kỳ và Trung Quốc. Theo báo cáo của Tổng cục Hải quan (2024), trong 10 tháng đầu năm 2024, kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam sang EU đạt 42,83 tỷ USD, tăng 18,3% so với cùng kỳ năm trước và chiếm 12,76% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước. CBAM sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hàng nghìn doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa (SMEs), nhóm chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế của đất nước. SMEs tại Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn trong việc tiếp cận tài chính xanh và nâng cấp công nghệ để đáp ứng các tiêu chuẩn giảm phát thải khắt khe (World Bank, 2023).

Việt Nam đã cam kết giảm phát thải khí nhà kính theo Thỏa thuận Paris và thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thích ứng với CBAM. Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện vẫn cần được cải thiện để đáp ứng các yêu cầu của thị trường quốc tế và thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang sản xuất bền vững.

Bài viết sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, dựa trên các báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Ngân hàng Thế giới (WB) và Viện Phát triển Bền vững Quốc tế (IISD). Mục tiêu là đánh giá thực trạng chính sách hiện tại và đề xuất các giải pháp giúp doanh nghiệp Việt Nam thích ứng với CBAM, từ đó tăng cường năng lực cạnh tranh và khẳng định vị thế trên trường quốc tế.

2. Thách thức đối với doanh nghiệp trước CBAM

Việc chuyển đổi sang nền kinh tế carbon thấp đang đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh EU triển khai CBAM. Các ngành công nghiệp nặng tiêu thụ nhiều năng lượng như thép, xi măng và nhôm, cùng với ngành sản xuất vật liệu xây dựng như gạch, ngói và bê tông đều chịu ảnh hưởng nặng nề do phát thải carbon cao trong quy trình sản xuất (European Commission, 2023). Những thách thức chính mà doanh nghiệp Việt Nam phải đối mặt khi thực hiện các yêu cầu của CBAM bao gồm:

Thứ nhất, gia tăng chi phí sản xuất: CBAM yêu cầu doanh nghiệp nhập khẩu vào EU thanh toán phí carbon tương ứng với lượng khí thải phát sinh trong quá trình sản xuất. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải đầu tư vào công nghệ sạch và sử dụng nguyên liệu thân thiện với môi trường, dẫn đến chi phí gia tăng. Theo PwC (2023), việc thực thi CBAM tạo động lực cho doanh nghiệp giảm phát thải carbon, nhưng đồng thời làm tăng gánh nặng tài chính, đặc biệt đối với các doanh nghiệp từ các quốc gia đang phát triển. Ngoài ra, World Bank (2023) cho biết, SMEs thường gặp khó khăn lớn trong việc tiếp cận nguồn vốn đầu tư cho công nghệ xanh, khiến các doanh nghiệp này chịu áp lực tài chính lớn hơn so với các tập đoàn lớn.

Thứ hai, giảm khả năng cạnh tranh: Chi phí sản xuất gia tăng làm cho giá thành sản phẩm xuất khẩu từ Việt Nam sang EU tăng cao, ảnh hưởng đến khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp tại EU và các nước khác có thị trường carbon phát triển. UNCTAD (2021) nhận định rằng doanh nghiệp tại các quốc gia chưa áp dụng giá carbon hoặc chính sách tương tự CBAM sẽ gặp bất lợi lớn. SMEs ở các nước đang phát triển đối mặt nhiều khó khăn hơn do hạn chế về vốn và năng lực quản lý. Theo UNCTAD, các quốc gia đang phát triển cần nhanh chóng cải thiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp để duy trì khả năng tiếp cận thị trường quốc tế.

Thứ ba, thay đổi chuỗi cung ứng: CBAM yêu cầu giảm phát thải carbon trong chuỗi cung ứng, buộc doanh nghiệp phải tái cấu trúc quy trình sản xuất và lựa chọn nguyên liệu

đầu vào có mức phát thải thấp. Điều này có thể gây gián đoạn trong chuỗi cung ứng hiện tại, làm tăng chi phí và ảnh hưởng đến tính liên tục của sản xuất. Báo cáo của Climate Bonds Initiative (2023) nhấn mạnh rằng việc xây dựng chuỗi cung ứng bền vững đòi hỏi chi phí cao và khả năng hợp tác chặt chẽ với các nhà cung cấp quốc tế.

Thứ tư, áp lực chuyển đổi xanh: Theo quy định CBAM, từ năm 2026, doanh nghiệp sẽ phải mua chứng chỉ CBAM để bù đắp lượng khí thải carbon phát sinh trong sản phẩm nhập khẩu. Điều này đòi hỏi các doanh nghiệp đầu tư mạnh vào công nghệ sạch, đổi mới quy trình sản xuất và tối ưu hóa chuỗi cung ứng để giảm thiểu khí thải carbon (PwC, 2023). Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam (2024), phần lớn doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là SMEs, chưa có đủ nguồn lực tài chính và công nghệ để thực hiện chuyển đổi này.

Thứ năm, rủi ro pháp lý: Không tuân thủ các quy định CBAM có thể dẫn đến các hình phạt tài chính nghiêm trọng và làm suy giảm uy tín của doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Theo báo cáo của OECD (2023), sự thiếu minh bạch trong việc chứng minh lượng phát thải hoặc không đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của CBAM có thể khiến doanh nghiệp đối mặt với các khoản phạt lớn, lên đến hàng triệu Euro. Đồng thời, các doanh nghiệp vi phạm có thể bị từ chối quyền tiếp cận thị trường EU, làm ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu và khả năng cạnh tranh toàn cầu. Một ví dụ điển hình là trường hợp cảnh báo từ EU vào năm 2023 đối với một số nhà xuất khẩu thép từ các nước ngoài khối, do không cung cấp đầy đủ dữ liệu về phát thải carbon trong quá trình sản xuất. Các nhà xuất khẩu này phải chịu kiểm tra kỹ lưỡng, gây ra sự chậm trễ trong thông quan và làm gián đoạn chuỗi cung ứng. Báo cáo của European Commission (2023) cũng khẳng định rằng các doanh nghiệp không tuân thủ có thể bị từ chối giấy chứng nhận CBAM, điều kiện bắt buộc để nhập khẩu hàng hóa vào EU. Ngoài ra, những vi phạm này có thể dẫn đến các tranh chấp pháp lý với đối tác hoặc nhà đầu tư, khi uy tín doanh nghiệp bị ảnh hưởng, kéo theo chi phí pháp lý và thiệt hại về thương hiệu. Đây là một nguy cơ tiềm tàng, đặc biệt đối với các ngành xuất khẩu như thép, xi măng, phân bón và nhôm, vốn chịu ảnh hưởng lớn từ CBAM.

3. Thực trạng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thích ứng với CBAM

3.1. Hệ thống chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thích ứng với CBAM và một số kết quả đạt được

Việt Nam đang triển khai nhiều chính sách nhằm giảm phát thải carbon và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như CBAM của EU. Đồng thời, những chính sách này góp phần thực hiện cam kết của Việt Nam tại COP26 và các mục tiêu phát triển bền vững. Một số chính sách cụ thể bao gồm:

a) Chính sách năng lượng xanh và giảm phát thải carbon

Tại Hội nghị COP26, Việt Nam cam kết đạt mức phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, cụ thể qua các hành động như:

i) Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến năm 2050: tập trung giảm phát thải trong các lĩnh vực trọng điểm như sản xuất công nghiệp, năng lượng và giao thông trong đó năng lượng tái tạo đóng vai trò cốt lõi.

ii) Luật Bảo vệ môi trường 2020: đặt nền tảng pháp lý cho kiểm kê khí nhà kính, phát triển thị trường carbon và khuyến khích doanh nghiệp giảm phát thải.

iii) Kế hoạch Quốc gia về Đóng góp do Quốc gia tự quyết định (NDC): cam kết giảm phát thải 9% vào năm 2030 dựa trên nội lực quốc gia và đạt đến 27% nếu có hỗ trợ quốc tế.

Đặc biệt, thông qua Đối tác Chuyển đổi Năng lượng Công bằng (JETP), Việt Nam đã nhận được sự hỗ trợ quan trọng với cam kết ban đầu 15,5 tỷ USD, trong đó 7,75 tỷ USD tài chính công của các tổ chức tài chính quốc tế (IPG) và 7,75 tỷ USD tài chính tư nhân, chủ yếu từ Liên minh Tài chính Glasgow vì Net Zero (GFANZ). Khoản tài trợ này được sử dụng để thúc đẩy các dự án năng lượng tái tạo như điện mặt trời, điện gió và công nghệ lưu trữ năng lượng

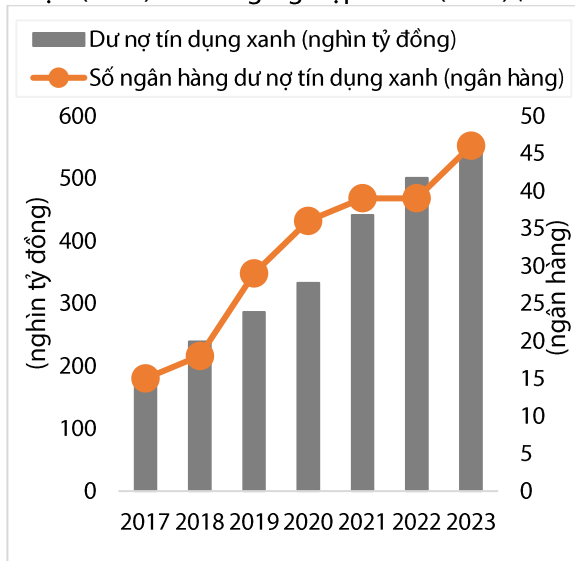
tiên tiến, giúp tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và đáp ứng các tiêu chuẩn CBAM (Climate policy initiative, 2024).

b) Chính sách tài chính xanh

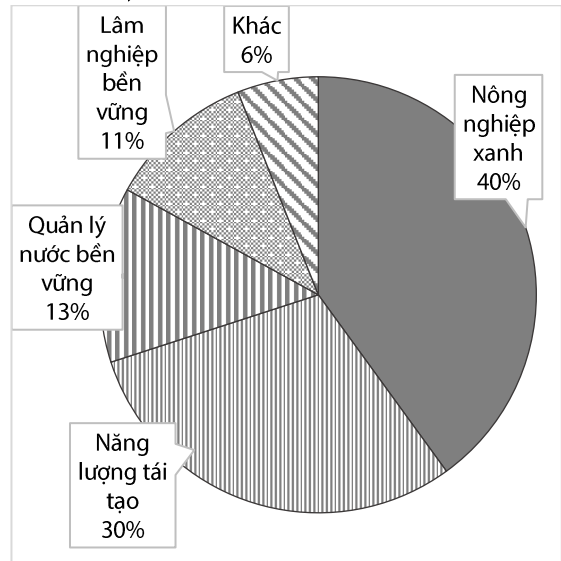
Việt Nam đã xây dựng nhiều cơ chế tài chính xanh nhằm thúc đẩy đầu tư vào công nghệ giảm phát thải:

i) *Trái phiếu xanh*: Khung pháp lý cho trái phiếu xanh tại Việt Nam đã có nhiều bước tiến đáng kể nhằm thúc đẩy huy động vốn cho các dự án thân thiện với môi trường. Nghị định 163/2018/NĐ-CP và Sổ tay hướng dẫn phát hành trái phiếu xanh (2021) đã tạo khung pháp lý cho phép các tổ chức phát hành trái phiếu xanh. Tiếp đó, ngày 31/12//2020, Nghị định 153/2020/NĐ-CP (thay thế Nghị định 163) bổ sung các quy định cụ thể về chào bán trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong nước và quốc tế, tăng cường tính linh hoạt cho doanh nghiệp trong việc huy động vốn. Đặc biệt, Luật Bảo vệ môi trường (2020) chính thức công nhận trái phiếu xanh là một công cụ kinh tế quan trọng phục vụ các mục tiêu bảo vệ môi trường. Trái phiếu xanh của Việt Nam được phát hành theo tiêu chuẩn trái phiếu xanh ASEAN (AGBS) và nguyên tắc trái phiếu xanh của Hiệp hội thị trường vốn quốc tế (ICMA), giúp định hình một loại tài sản bền vững phù hợp với thông lệ quốc tế (UBCKNN, 2021).

ii) *Tín dụng xanh*: Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước đã ban hành các chính sách thúc đẩy tín dụng xanh như Quyết định số 403/2014/QĐ-TTg, Chỉ thị số 03/2015/CT-NHNN, Quyết định số 1404/2018/QĐ-NHNN và Chiến lược phát triển ngành Ngân hàng đến năm 2025 (Quyết định số 986/2018/QĐ-TTg). Nhờ đó, dư nợ tín dụng xanh tăng đáng kể. Đến cuối năm 2023, có 47 ngân hàng cung cấp tín dụng xanh (tăng 2,8% so với năm 2017), dư nợ tín dụng xanh đạt hơn 562.694 tỷ đồng (tăng hơn 3 lần), tập trung chủ yếu vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (40%) và nông nghiệp xanh (30%) (Xem hình 1 và 2).



Hình 1: Dư nợ tín dụng xanh



Hình 2: Cơ cấu dư nợ tín dụng xanh

Nguồn: Tổng hợp từ Ngân hàng nhà nước Việt Nam (2017-2023)

c) Chính sách định giá và giám sát carbon

i) *Thuế bảo vệ môi trường*: là một biện pháp định giá carbon gián tiếp nhằm hạn chế tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch và tạo nguồn lực để đầu tư vào các giải pháp xanh hơn. Chính sách này giúp giảm khoảng 5% tiêu thụ nhiên liệu hóa thạch mỗi năm trong giai đoạn 2018 – 2022, đồng thời cung cấp nguồn tài chính cho các sáng kiến bền vững và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường trong cộng đồng doanh nghiệp (World Bank, 2023).

ii) *Hệ thống kiểm kê khí nhà kính*: Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg yêu cầu các doanh nghiệp phát thải lớn thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Đến năm 2023, hơn 1.500 doanh nghiệp

và cơ sở phát thải lớn đã hoàn thành báo cáo kiểm kê khí nhà kính, tạo cơ sở dữ liệu quan trọng cho việc kiểm soát và hoạch định chính sách giảm phát thải (Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2023).

iii) Chuẩn bị cho thị trường carbon: Nghị định số 06/2022/NĐ-CP quy định về các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính và xây dựng cơ sở cho việc triển khai thị trường carbon tại Việt Nam, tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận các công cụ tài chính mới (Green Climate Fund, 2023).

d) Chính sách hỗ trợ công nghệ và hợp tác quốc tế

i) Đổi mới công nghệ xanh: Chính phủ đã triển khai chương trình Khoa học và Công nghệ Quốc gia, ưu tiên các công nghệ giảm phát thải và năng lượng tái tạo. Các doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ xanh được hưởng ưu đãi thuế, như miễn thuế 4 năm đầu và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo (Nghị định 08/2014/NĐ-CP). Điều này khuyến khích doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ hơn vào các công nghệ thân thiện với môi trường.

ii) Hợp tác quốc tế: Việt Nam đã tích cực hợp tác với các tổ chức quốc tế như WB, ADB và EU để tiếp cận các công nghệ tiên tiến. Các dự án năng lượng tái tạo được tài trợ bởi WB và ADB, như năng lượng mặt trời và gió, đã nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và giảm đáng kể lượng khí nhà kính phát thải, đặc biệt trong các ngành công nghiệp trọng điểm. Các mối quan hệ đối tác này không chỉ cung cấp nguồn lực tài chính mà còn giúp Việt Nam tiếp thu kinh nghiệm và công nghệ từ các quốc gia phát triển.

Những chính sách và hợp tác này đóng vai trò quan trọng trong việc giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, đặc biệt là yêu cầu khắt khe của CBAM.

3.2. Những thách thức và hạn chế

Tuy đạt được một số kết quả bước đầu, hệ thống chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam thích ứng với CBAM vẫn còn nhiều hạn chế:

Thứ nhất, khung chính sách chưa đồng bộ và thiếu tính rõ ràng.

Việt Nam hiện chưa xây dựng được một khung pháp lý thống nhất và cơ chế điều phối cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện các biện pháp thích ứng với CBAM. Điều này khiến doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận và tuân thủ các yêu cầu về phát thải carbon theo chuẩn quốc tế.

Mặc dù Luật Bảo vệ môi trường 2020 đã đề cập đến việc hình thành thị trường carbon trong nước, nhưng hiện tại, các hoạt động mới chỉ dừng ở mức thí điểm và thiếu các quy định chi tiết. Việt Nam chưa thiết lập hệ thống giao dịch carbon chính thức, trong khi các tiêu chuẩn giám sát và báo cáo phát thải vẫn chưa đầy đủ. Điều này cản trở doanh nghiệp trong việc đo lường và cung cấp thông tin về lượng phát thải carbon.

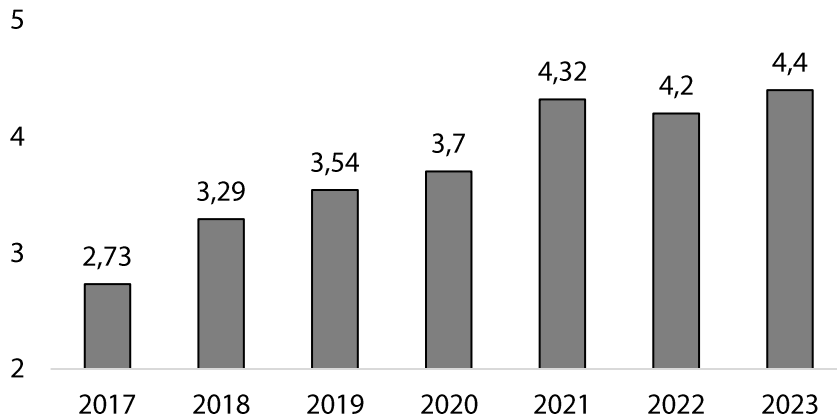
Ngược lại, các quốc gia phát triển đã xây dựng được khung chính sách đồng bộ. Ví dụ, EU đã tích hợp CBAM vào hệ thống Thương mại phát thải (EST) với các quy định minh bạch, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và tuân thủ các tiêu chuẩn này (EY Global Tax News, 2023). Tương tự, Nhật Bản triển khai chính sách chuyển đổi xanh (GX), bao gồm thuế carbon, giao dịch phát thải và hệ thống giám sát rõ ràng, cho phép doanh nghiệp tích hợp chi phí carbon vào kế hoạch kinh doanh một cách hiệu quả (Nomura Research Institute, 2023).

Tại Việt Nam, khung pháp lý về tài chính xanh cũng chưa hoàn thiện. Hướng dẫn phát hành trái phiếu xanh vẫn đang trong quá trình xây dựng, trong khi các chính sách ưu đãi về thuế, phí và lãi suất còn thiếu đồng bộ, khiến việc thu hút đầu tư tư nhân vào các dự án xanh gặp nhiều khó khăn (World Bank, 2023). Ngoài ra, sự thiếu hụt các tổ chức đánh giá độc lập cũng làm giảm tính minh bạch và độ tin cậy của sản phẩm tài chính xanh (ADB, 2022).

Thứ hai, thiếu nguồn vốn hỗ trợ chuyển đổi xanh linh hoạt.

Để đạt mục tiêu kép về tăng trưởng kinh tế và trung hòa carbon, Việt Nam cần đầu tư khoảng 6,8% GDP mỗi năm, tương đương 368 tỷ USD từ nay đến năm 2040 (IFC, 2023). Tuy nhiên, các nguồn vốn hiện tại có quy mô nhỏ, thiếu ổn định và thủ tục tiếp cận phức tạp, đặc biệt đối với SMEs.

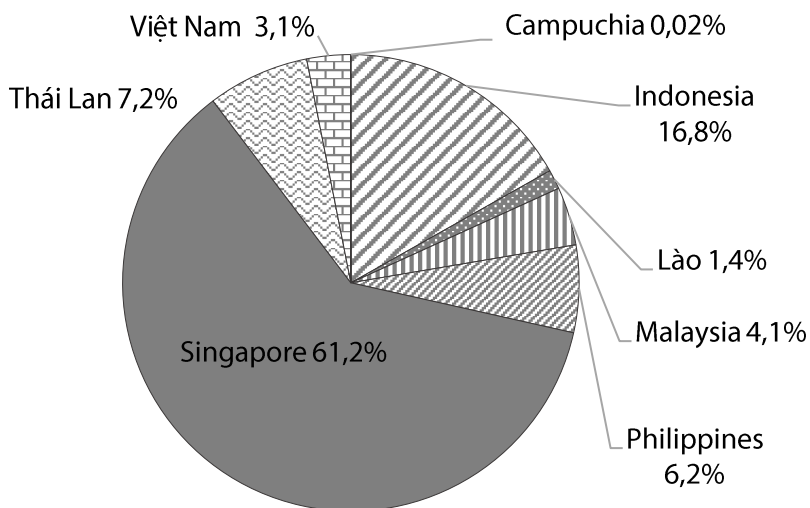
Tín dụng xanh, mặc dù có sự gia tăng đáng kể, nhưng vẫn chiếm tỷ trọng thấp trong tổng dư nợ của nền kinh tế, chỉ dao động từ 2,7% đến dưới 4,5% trong giai đoạn 2017 – 2023 (Xem hình 3).



Hình 3: Tỷ trọng dư nợ tín dụng xanh trong tổng dư nợ tín dụng

Nguồn: Tổng hợp tính toán từ các báo cáo của NHNN Việt Nam (2017-2023)

So sánh với các quốc gia trong khu vực ASEAN, thị phần nợ tài chính xanh của Việt Nam còn rất khiêm tốn, chỉ chiếm 3,1%. Trong khi đó Singapore dẫn đầu với 61,2%, nhờ sự phát triển mạnh mẽ của thị trường tài chính xanh và khả năng huy động vốn quốc tế. Indonesia và Thái Lan lần lượt chiếm 16,8% và 7,2%, cũng bỏ khá xa Việt Nam (xem hình 4).



Hình 4: Thị Phần tài chính xanh của Việt Nam so với các quốc gia khu vực ASEAN giai đoạn 2016 – 2023

Nguồn: Climate Bond initiative

Nguyên nhân chính là do Việt Nam vẫn gặp khó khăn trong việc tạo sự tin cậy để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, cùng với khung pháp lý về tín dụng và trái phiếu xanh còn thiếu tính đồng bộ và minh bạch. Đặc biệt, hơn 90% nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng là vốn ngắn hạn và trung hạn, không đáp ứng được yêu cầu vốn dài hạn (15 - 20 năm) của các dự án xanh (Ngân hàng nhà nước Việt Nam, 2023). Hạn chế này khiến các dự án năng lượng tái tạo, giảm phát thải khí nhà kính và cơ sở hạ tầng bền vững gặp khó khăn trong việc tiếp cận

nguồn lực tài chính đủ lớn, làm giảm năng lực cạnh tranh và khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế như CBAM.

Thứ ba, hệ thống giám sát và báo cáo khí thải chưa hoàn thiện.

CBAM yêu cầu các doanh nghiệp phải minh bạch trong đo lường và báo cáo lượng phát thải carbon, nhưng hệ thống giám sát khí thải của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg, các cơ sở sản xuất lớn bắt buộc phải kiểm kê khí nhà kính, nhưng cơ sở dữ liệu quốc gia về phát thải và tiêu chuẩn đo lường quốc tế chưa được xây dựng đầy đủ. Việc thiếu các thiết bị đo lường hiện đại và cơ chế giám sát chặt chẽ khiến Việt Nam gặp khó khăn trong việc đáp ứng CBAM, ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp xuất khẩu trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Thứ tư, thiếu chương trình đào tạo và hợp tác quốc tế về công nghệ xanh.

Theo Hội đồng tư vấn cải cách thủ tục hành chính (Ban IV, 2023), chỉ 11% doanh nghiệp tại Việt Nam hiểu rõ về CBAM, 36% hiểu biết sơ bộ về nó, trong khi 53% hoàn toàn không có thông tin về cơ chế này. Các chương trình đào tạo nâng cao nhận thức về CBAM và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ giảm phát thải còn rất hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng chuyển đổi của doanh nghiệp.

Ngoài ra, Việt Nam chưa có các chương trình hợp tác quy mô lớn để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận công nghệ xanh và các nguồn tài chính ưu đãi. Các ngành phát thải cao như thép và xi măng đối mặt với nhiều thách thức trong việc đổi mới công nghệ, chủ yếu do chi phí lớn và thiếu sự hỗ trợ kỹ thuật từ đối tác quốc tế.

Việc giải quyết những hạn chế không chỉ giúp Việt Nam thích ứng hiệu quả với CBAM mà còn thúc đẩy phát triển bền vững trong dài hạn.

4. Chính sách đột phá hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam thích ứng với CBAM

Để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam vượt qua thách thức từ CBAM của EU và tận dụng cơ hội từ quá trình chuyển đổi xanh, cần triển khai các chính sách đột phá trên nhiều phương diện. Bài viết đề xuất một số chính sách cụ thể như sau:

Thứ nhất, cải cách thể chế và xây dựng khung pháp lý đồng bộ.

Một hệ thống pháp luật đồng bộ và minh bạch là điều kiện tiên quyết để doanh nghiệp thích ứng với các yêu cầu của CBAM. Chính phủ cần thực hiện:

i) Đơn giản hóa thủ tục hành chính: Loại bỏ các rào cản pháp lý không cần thiết và đẩy nhanh tốc độ cấp phép cho các dự án xanh. Việc cải cách hành chính không chỉ giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí mà còn thúc đẩy tiến trình chuyển đổi xanh một cách hiệu quả (OECD, 2023).

ii) Tạo cơ chế tài chính linh hoạt: Chính phủ cần triển khai các khoản vay ưu đãi và thiết lập quỹ hỗ trợ nghiên cứu và phát triển (R&D), đặc biệt dành cho SMEs. Những sáng kiến này sẽ thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi mô hình sản xuất bền vững (World Bank, 2023).

iii) Hoàn thiện thị trường carbon: Ban hành các quy định chi tiết về giao dịch tín chỉ carbon và xây dựng hạ tầng kỹ thuật để giám sát phát thải, đảm bảo tính minh bạch và khả năng tiếp cận của doanh nghiệp.

Thứ hai, nâng cao nhận thức và năng lực doanh nghiệp về CBAM.

Sự hiểu biết đầy đủ về CBAM và các tiêu chuẩn phát thải quốc tế là yếu tố then chốt để doanh nghiệp định hướng chiến lược phát triển phù hợp. Chính phủ cần:

i) Tổ chức đào tạo chuyên sâu: Cung cấp thông tin về yêu cầu của CBAM, các tác động đến từng ngành và giải pháp ứng phó. Những khóa học liên quan đến tài chính xanh và công nghệ bền vững sẽ giúp doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn và áp dụng công nghệ hiệu quả hơn.

ii) Phát triển hệ thống báo cáo phát thải: Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng và vận hành hệ thống tính toán phát thải carbon theo chuẩn quốc tế. Điều này không chỉ nâng cao tính cạnh tranh mà còn cải thiện hình ảnh doanh nghiệp trong mắt các đối tác quốc tế.

iii) Kết nối chuyên gia và tổ chức hỗ trợ: Tăng cường các chương trình hợp tác và tư vấn từ chuyên gia quốc tế sẽ tạo cơ hội cho các doanh nghiệp, đặc biệt là SMEs, tiếp cận công cụ và kiến thức cần thiết.

Thứ ba, hỗ trợ tài chính và ưu đãi đầu tư công nghệ xanh.

Chuyển đổi xanh đòi hỏi nguồn vốn lớn, đặc biệt với các ngành công nghiệp phát thải cao. Để giảm gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp, Chính phủ cần:

i) Ưu đãi thuế và trợ cấp: Áp dụng chính sách giảm thuế cho các dự án tiết kiệm năng lượng và trợ cấp tài chính cho các ngành công nghiệp phát thải cao nhưng có cam kết giảm phát thải carbon (World Bank, 2023).

ii) Thành lập Quỹ hỗ trợ chuyển đổi xanh: Huy động nguồn vốn lãi suất thấp từ các tổ chức quốc tế như WB và Quỹ khí hậu xanh (GCF) để hỗ trợ các dự án năng lượng tái tạo, tái chế chất thải và sản xuất bền vững.

Thứ tư, phát triển thị trường carbon hiệu quả.

Thị trường carbon đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng yêu cầu của CBAM. Việt Nam cần khẩn trương:

i) Hoàn thiện cơ chế giao dịch tín chỉ carbon: Xây dựng quy định chi tiết và đảm bảo tính minh bạch để doanh nghiệp dễ dàng tham gia thị trường.

ii) Tăng cường hạ tầng kỹ thuật: Đầu tư vào hệ thống giám sát phát thải hiện đại, đảm bảo độ chính xác và hiệu quả trong đo lường và báo cáo lượng phát thải carbon.

iii) Học hỏi kinh nghiệm quốc tế: Thị trường carbon của Singapore và Trung Quốc là những ví dụ điển hình về hiệu quả trong việc thúc đẩy doanh nghiệp nội địa thích ứng với các tiêu chuẩn quốc tế (ADB, 2022).

Thứ năm, tăng cường hợp tác quốc tế và chuyển giao công nghệ xanh.

Hợp tác quốc tế là yếu tố then chốt để doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực công nghệ và tài chính xanh. Chính phủ cần:

i) Khai thác lợi ích từ các hiệp định thương mại: Các hiệp định như EVFTA và các thỏa thuận song phương là cơ hội để tiếp cận công nghệ xanh tiên tiến và nguồn vốn ưu đãi từ các đối tác quốc tế.

ii) Tham gia các diễn đàn quốc tế: Tham gia các hội nghị về biến đổi khí hậu và các diễn đàn kinh tế thế giới (WEF) để cập nhật các tiêu chuẩn CBAM và tìm kiếm hỗ trợ tài chính cho các dự án xanh.

iii) Hợp tác chuyển giao công nghệ: Các dự án hợp tác với WB và ADB có thể cung cấp công nghệ tiên tiến, giúp doanh nghiệp Việt Nam cải thiện hiệu quả sản xuất và giảm phát thải carbon.

5. Kết luận

CBAM không chỉ là thách thức mà còn là động lực để các doanh nghiệp Việt Nam chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh theo hướng bền vững. Sự phối hợp chặt chẽ giữa Chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế trong việc triển khai đồng bộ các chính sách hỗ trợ sẽ là chìa khóa giúp doanh nghiệp Việt Nam thích ứng với xu hướng mới, tăng cường vị thế trên thị trường quốc tế và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

Tài liệu tham khảo

Bộ Kế hoạch và Đầu tư. (2024). Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững năm 2023. Hà Nội.

- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2023). Báo cáo kiểm kê khí nhà kính. Truy xuất từ <https://www.monre.gov.vn>, ngày 10/9/2024.
- Chính phủ. (2022). Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Hà Nội.
- Chính phủ. (2022). Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg quy định danh mục các lĩnh vực và cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính ở Việt Nam. Hà Nội.
- Chính phủ. (2022). Chiến lược phát triển bền vững Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Hà Nội.
- Hội đồng Tư vấn Cải cách Thủ tục Hành chính. (2023). Khảo sát nhận thức của doanh nghiệp về CBAM. Truy cập từ website chính thức của Hội đồng.
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. (2023). Thống kê dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế. Truy xuất từ <https://sbv.gov.vn>, ngày 10/9/2024.
- Quốc hội. (2020). Luật Bảo vệ Môi trường, số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020.
- Tổng cục Hải quan. (2024). Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 10 và 10 tháng năm 2024. Truy xuất từ <https://www.customs.gov.vn>, ngày 10/11/2024.
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. (2021). Sổ tay phát hành Trái phiếu xanh, Trái phiếu xã hội và Trái phiếu bền vững. Truy xuất từ <https://asianbondsonline.adb.org>, ngày 10/9/2024.
- Asian Development Bank. (2022). Carbon Market Development in Asia: Regional Comparisons and Opportunities. Truy xuất từ <https://www.adb.org>, ngày 10/9/2024.
- Climate Bonds Initiative. (2023). Green Supply Chains and Emerging Economies. Truy xuất từ <https://www.climatebonds.net/publications.html>, ngày 10/9/2024.
- Climate Policy Initiative. (2024). JETP Resource Mobilization Plan: How Viet Nam Can Turn Ambition into Action. Truy xuất từ <https://www.climatepolicyinitiative.org>, ngày 10/9/2024.
- European Commission. (2023). Carbon Border Adjustment Mechanism: Policy Implications and International Collaboration. Truy xuất từ: <https://ec.europa.eu>, ngày 10/9/2024.
- EY Global Tax News. (2023). Final Regulations Published for New EU Carbon Border Adjustment Mechanism (CBAM). Truy xuất từ <https://globaltaxnews.ey.com>, ngày 10/9/2024.
- Government of Canada. (2021). Government Launches Consultations on Border Carbon Adjustments. Truy xuất từ <https://www.canada.ca/en/department-finance>, ngày 10/9/2024.
- Green Climate Fund. (2023). Funding Mechanisms for Low-Carbon Transition in Emerging Markets. Truy xuất từ <https://www.greenclimate.fund>, ngày 10/9/2024.
- International Finance Corporation (IFC). (2023). Climate Investment Opportunities in Southeast Asia: Scaling Up Private Sector Investment in Climate Solutions. Truy xuất từ <https://www.ifc.org/>, ngày 10/9/2024.
- Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD). (2022). Carbon Border Adjustment Mechanism: Challenges and Implications for Global Trade. OECD Publishing. Truy xuất từ <https://www.oecd.org/>, ngày 10/9/2024.
- Organisation for Economic Co-operation and Development (OECD). (2023). Policy Frameworks for Green Innovation in SMEs. Truy xuất từ <https://www.oecd.org/>, ngày 10/9/2024.
- PwC. (2023). EU Deal Reached on the CBAM: What You Need to Know. Truy xuất từ: <https://www.pwc.ch>, ngày 10/9/2024.
- UNCTAD. (2021). A European Union Carbon Border Adjustment Mechanism: Implications for Developing Countries. Truy xuất từ <https://unctad.org>, ngày 10/9/2024.

United Nations Framework Convention on Climate Change (UNFCCC). (2022). Global Commitments to Reduce Carbon Emissions: Policies and Mechanisms. Truy xuất từ <https://unfccc.int>, ngày 10/9/2024.

World Bank. (2023). Green Transition and Incentives for Sustainable Development. Truy xuất từ <https://www.worldbank.org>, ngày 10/9/2024.

World Resources Institute. (2023). 4 US Congress Bills Related to Carbon Border Adjustments in 2023. Truy xuất từ <https://www.wri.org>, ngày 10/9/2024.